

XUNG QUANH QUAN NIỆM MỚI VỀ CÁC CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ

TS. Châu Đình Phương

Kể từ khi Việt Nam từ bỏ phương thức quản lý kinh tế theo kế hoạch hóa tập trung-quan liêu-bao cấp để chuyển sang kiểu quản lý của kinh tế thị trường thì hàng loạt quan niệm đối với các vấn đề của kinh tế thị trường; đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính-tiền tệ được ra đời và ứng dụng từ trong hoạt động thực tiễn của sản xuất-kinh doanh, trong hoạch định chính sách cũng như trong công việc nghiên cứu lý luận và giảng dạy.

Theo Marx, tiền tệ có 5 chức năng (thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán, phương tiện tích trữ, và phương tiện thanh toán quốc tế-đồng tiền quốc tế). Với 5 chức năng này, tiền tệ đã và đang đóng vai trò của một loại hàng hóa đặc biệt trong thế giới hàng hóa- đó là vai trò “vật ngang giá chung”. Đây cũng là các chức năng của tiền tệ trong mọi nền kinh tế sản xuất hàng hóa; không phân biệt đó là nền kinh tế sản xuất hàng hóa của các nước lấy chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất làm cơ sở cho quản lý kinh tế, quản lý xã hội và quản lý nhà nước hay là nền kinh tế sản xuất hàng hóa của các nước lấy chế độ công hữu toàn dân về tư liệu sản xuất làm cơ sở cho quản lý kinh tế, quản lý xã hội và quản lý nhà nước. Vấn đề đặt ra là, do quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới không ngừng diễn ra nên có phải tất cả các đồng tiền quốc gia của các

nước đều có cả 5 chức năng của tiền tệ hay không khi một số đồng tiền của các nước công nghiệp hàng đầu thế giới đã và đang là các đồng tiền tự do chuyển đổi, là những đồng tiền quốc tế; và số các đồng tiền còn lại không phải là các đồng tiền tự do chuyển đổi, mà đơn thuần chỉ là các đồng tiền quốc gia? Thiết nghĩ rằng, các đồng tiền không tự do chuyển đổi được thì không thể thực hiện được chức năng của đồng tiền quốc tế, do vậy chúng không thể được gọi là ngoại tệ. Tóm lại chỉ có các đồng tiền của các nước được gọi là các đồng tiền tự do chuyển đổi, vừa thực hiện các chức năng của một đồng tiền quốc gia, vừa thực hiện chức năng của một đồng tiền quốc tế mới có đủ 5 chức năng của tiền tệ. Thực tế này đã và đang đặt ra cho các nhà chức trách của các nước đang phát triển cần phải có một chiến lược để làm cho các đồng tiền của họ từng bước trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi. Khi đồng tiền của các nước không chuyển đổi được, họ phải thường xuyên chăm lo đến việc tăng dự trữ ngoại tệ, đồng thời cũng phải thường xuyên tìm mọi cách phòng ngừa các rủi ro tài chính, đặc biệt là rủi ro về tỷ giá hối đoái, về biến động lãi suất trên thị trường thế giới. Đồng tiền Việt Nam đang là một trong số các đồng tiền không chuyển đổi được, không được sử dụng làm đồng tiền thanh toán quốc tế nên Chính phủ Việt Nam đã và đang

chỉ đạo các ngành hữu quan như Tài chính, Ngân hàng... sớm đưa ra một lộ trình nhằm nâng cao tính chuyển đổi của đồng Việt Nam. Liên quan đến tính chuyển đổi của đồng tiền đã và đang có một loại ý kiến cho rằng, một đồng tiền nào đó được gọi là có tính chuyển đổi là một đồng tiền đã và đang được một số ít nước chấp nhận làm đồng tiền thanh toán trong xuất-nhập khẩu hàng hóa-dịch vụ giữa các nước có chung biên giới. Có một thực tế là, giữa Việt Nam-Trung Quốc-Lào-Campuchia đã và đang thực hiện một số thỏa thuận song phương về việc được sử dụng đồng tiền của nhau trong thanh toán xuất-nhập khẩu hàng hoá-dịch vụ. Những thỏa thuận như vậy nhằm tăng cường các quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước có chung biên giới. Việc sử dụng các đồng tiền quốc gia của các nước có chung biên giới làm đồng tiền thanh toán trong một số các hoạt động xuất-nhập khẩu hàng hóa-dịch vụ cũng chỉ được thực hiện trong một phạm vi nhất định nên chưa có thể cho rằng, các đồng tiền được sử dụng như vậy đã là các đồng tiền đã có tính chuyển đổi. Quan niệm này cũng bắt nguồn từ ý kiến cho rằng, tính chuyển đổi của một đồng tiền cũng được phát triển dần từ thấp đến cao, từ việc chuyển đổi trên thị trường trong nước, giữa các nước có chung biên giới, đến việc chuyển đổi với các nước trong khu vực, và cuối cùng là chuyển đổi trên



Thu đổi ngoại tệ tại ngân hàng Sacombank

phạm vi toàn thế giới. Như vậy, quá trình hình thành, phát triển, mở rộng và hoàn thiện tính chuyển đổi của một đồng tiền diễn ra từ thấp đến cao; từ một đồng tiền chuyển đổi được trong phạm vi một quốc gia, đến đồng tiền chuyển đổi được trong phạm vi giữa các nước có chung biên giới, các nước trong khu vực, và cuối cùng là đồng tiền có được tính chuyển đổi hoàn toàn trên phạm vi toàn thế giới. Việc thực hiện đầy đủ các chức năng tiền tệ cũng đồng thời diễn ra theo trình tự đó. Trước khi trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi, chức năng đồng tiền quốc tế mới chỉ được phát huy với một mức độ rất hạn chế. Đây cũng là nguyên nhân làm cho những nước chưa có đồng tiền tự do chuyển đổi hoàn toàn (được gọi là ngoại tệ) ***“mà sự có mặt của tiền gửi ngoại tệ tại các ngân hàng trong lượng tiền cung ứng theo nghĩa rộng $M2 > 30\%$ thì được xem là bị dola hóa ở mức độ cao”***; là hiện tượng nền kinh tế bị “ngoại tệ hóa”. Tuy nhiên, để một đồng tiền quốc gia trở thành một đồng tiền quốc tế là cả một quá trình, mà trong quá trình đó, người ta

phải thực hiện hàng loạt các chương trình phát triển kinh tế-xã hội rất lớn. Hiện nay, Nhà nước Việt Nam đang có chủ trương làm cho VND trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi nên phải thực hiện bằng được công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước; chuẩn bị mọi thứ cần thiết để có thể đi vào hội nhập kinh tế quốc tế một cách thuận lợi nhất; trước mắt là được gia nhập vào WTO. Vấn đề đặt ra ở đây là cần nhận thức một cách sâu sắc, đầy đủ và toàn diện việc làm cho VND trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi không thể được thực hiện trong 5, 10 năm, mà là cả một thời kỳ khá dài, có khi hàng vài thập kỷ. Trong khi VND chưa phải là ngoại tệ, chưa phải là đồng tiền tự do chuyển đổi thì chính sách tiền tệ của Việt Nam cần phải tập trung vào những vấn đề gì. Về vấn đề này, đã xuất hiện một số ý kiến cho rằng, để nhanh chóng làm cho VND trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi thì trước hết phải chống lại hiện tượng “đô la hóa”, hiện tượng “ngoại tệ hóa” nền kinh tế. Trên thực tế, tình trạng “ngoại tệ hóa” nền kinh tế chính

là hậu quả của cả một quá trình lịch sử lâu dài của đất nước, đặc biệt là sau khi hoàn thành cuộc Cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất hoàn toàn đất nước nhưng nền kinh tế vẫn được chỉ huy theo kiểu kế hoạch hóa-tập trung-quan liêu-bao cấp, lực lượng sản xuất không được giải phóng. Như vậy, sự phát triển yếu kém của nền kinh tế đã và đang là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng nền kinh tế bị “ngoại tệ hóa”. Để hạn chế, đi đến xóa bỏ tình trạng này, vấn đề đặt ra là phải làm cho kinh tế của đất nước thực sự giàu mạnh, hàng hóa-dịch vụ của Việt Nam ngày càng có mặt nhiều trên thị trường thế giới. Đây chính là vấn đề cốt lõi trong đường lối phát triển kinh tế của đất nước; là điều kiện tiên quyết để VND có thể trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi. Tất nhiên, để đi đến mục tiêu này là cả một quá trình, mà trong quá trình đó Việt Nam phải thành công trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm tạo ra những tiền đề vững chắc nhất cho hội nhập kinh tế quốc tế. Những sai lầm trong chính sách tiền tệ quốc gia thường bắt nguồn từ việc đánh giá không đúng thực lực của nền kinh tế. Tính ổn định bền vững và sức mạnh của một đồng tiền cũng được xem như chiếc gương phản chiếu thực trạng của nền kinh tế. Vì sao các nước công nghiệp hàng đầu thế giới họ lại có được các đồng tiền tự do chuyển đổi. Rõ ràng là, sở dĩ các đồng tiền của họ đã và đang là những đồng tiền quốc tế vì đằng sau các đồng tiền này là cả một nền kinh tế hùng mạnh, có thể đứng vững và phát triển trước những biến động trong đời sống

kinh tế thế giới bất cứ vào lúc nào, và bất cứ ở đâu.

Kinh tế của Việt Nam đang là một nền kinh tế vừa mới chập chững bước vào kinh tế thị trường, là một nền kinh tế yếu kém của một trong những nước nghèo trên thế giới (nếu tính theo sức mua tương đương thì Việt Nam xếp thứ 130 trong số 175 nước) mà **chỉ cần 5 năm nữa thôi (đến 2010) là có thể thả nổi hoàn toàn đồng tiền Việt Nam, tự do hóa các giao dịch vãng lai, tự do hóa các giao dịch vốn, và đặc biệt là tự do hóa tỷ giá hối đoái theo như cách đặt vấn đề của một số nhà hoạch định chính sách, nhằm làm cho VND nhanh chóng trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi, và thực hiện đầy đủ các chức năng của một đồng tiền liệu có thể biến thành hiện thực được không?** Đây không chỉ là ý tưởng mà còn là quan điểm của một số nhà hoạch định chính sách đã được đưa ra với lý lẽ rằng, cứ nhảy vào nước, tự khắc biết bơi. Điều gì sẽ xảy ra khi thực hiện ý tưởng này, khi mà một đồng tiền yếu như VND lại có thể “cứ nhảy vào nước” để có thể bơi cùng với các đồng tiền mạnh nhất thế giới?; khi mà một nền kinh tế đang ở vị trí thứ 130 trong số 175 nước lại có thể cùng đua với những nền kinh tế hùng mạnh nhất thế giới, nền kinh tế của các nước công nghiệp hàng đầu có hàng trăm năm tuổi trong

kinh tế thị trường ? Thiết nghĩ rằng những dự định nhằm thả nổi đồng tiền Việt Nam trong vòng 5 năm tới để nó có thể phát huy hết các chức năng vốn có của đồng tiền cần phải được tính toán rất kỹ. Nếu không đủ sức để cùng bơi với các đồng tiền mạnh, thì điều tất yếu sẽ phải xảy ra là VND phải phụ thuộc vào các đồng tiền đó. Hậu quả của câu chuyện này chắc chắn là rất khó lường.

Chính sách tiền tệ là một trong những chính sách quan trọng nhất của Nhà nước, không chỉ liên quan đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế, đến lợi ích kinh tế của tất cả mọi thành viên trong xã hội, mà còn tác động một cách trực tiếp đến mọi hoạt động sản xuất-kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế, nên tính phù hợp và chính xác của nó luôn là yêu cầu số 1. Vì vậy, quá trình xây dựng chính sách tiền tệ cũng là quá trình xem xét và tính toán lại các chỉ tiêu kinh tế-xã hội; đặc biệt là các chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân tính theo đầu người, tỷ lệ lạm phát, độ sâu tài chính, thứ hạng của đồng tiền nước mình so với các đồng tiền khác trên thế giới... Không xác định đúng các chỉ tiêu quan trọng nhất này thì những mục tiêu mà chính sách tiền tệ đặt ra sẽ không phù hợp, và sẽ không có điều kiện để thực hiện.

Một chính sách tiền tệ phù hợp cũng là một chính sách phản ảnh được thực trạng của đồng tiền của đất nước. Khi đang là một đồng tiền không tự do chuyển đổi được, chưa có đủ các điều kiện để thực hiện tất cả các chức năng của tiền tệ; đặc biệt là chức năng của đồng tiền quốc tế thì những quy định liên quan đến tỷ giá hối đoái, lãi suất, các giao dịch vãng lai, các giao dịch vốn không thể giống với những nước mà đồng tiền của họ là những đồng tiền tự do chuyển đổi.

Khi đề cập đến các chức năng tiền tệ người ta cũng đưa ra ý kiến cho rằng, tiền tệ chỉ có 3 chức năng là: dự trữ giá trị, phương tiện thanh toán, đơn vị tính toán. Với 3 chức năng này, tiền tệ đã có thể thực hiện đầy đủ vai trò của mình. Như vậy, với quan niệm này, các chức năng của tiền tệ được khái quát ở mức độ cao hơn. Lưu ý rằng, tên gọi các chức năng tiền tệ ở đây có thể khác so với tên gọi các chức năng tiền tệ theo quan niệm đã được tồn tại từ trước tới nay. Với cách gọi trước đây thì chức năng đơn vị tính toán chính là chức năng thước đo giá trị, chức năng dự trữ giá trị chính là chức năng cất trữ; và chức năng phương tiện thanh toán bao gồm cả chức năng làm phương tiện lưu thông và chức năng đồng tiền quốc tế. Cách quan niệm và cách gọi tên các chức năng của tiền tệ có khác nhau, nhưng vai trò

**Bảo Vệ Gan
Chống Mệt Mỏi, Nhức Đầu
Khi Uống Bia Rượu**

**RU-21[®]
"Viên KGB"**

CÔNG TY CỔ PHẦN H&F
16 Sông Đà, L.2, Q.Tân Bình, TP. HCM - Tel: 08.91.23.340 - E-mail: admin@h2capp.com
Nhà nhập khẩu và phân phối độc quyền tại Việt Nam

Sản phẩm đang có bán tại các nhà thuốc

của tiền tệ trong đời sống kinh tế và đời sống xã hội là không có gì thay đổi. Khi đồng tiền đã làm được chức năng phương tiện thanh toán thì tất yếu nó sẽ được đưa vào lưu thông làm “cầu nối” giữa sản xuất và tiêu dùng; tiền tệ không chỉ là phương tiện thanh toán trên thị trường trong nước, mà còn làm phương tiện thanh toán trên thị trường thế giới khi có sự thỏa thuận giữa người bán và người mua, giữa người cung cấp và người được cung cấp. Cũng có thể với cách quan niệm này (quan niệm cho rằng tiền tệ chỉ có 3 chức năng), người ta đã dự báo được rằng, trong tương lai, khi nền kinh tế thế giới đã đi vào hội nhập ở mức độ cao thì việc tiến tới một đồng tiền chung như EURO sẽ là một tất yếu. Lúc bấy giờ vai trò của các đồng tiền quốc gia sẽ lần lượt không còn nữa; thay vào đó là một số đồng tiền chung; và về lâu về dài, thế giới chỉ cần một đồng tiền chung duy nhất.

Một vấn đề cần đặc biệt quan tâm mỗi khi nói đến các chức năng của tiền tệ là làm thế nào để tiền tệ có thể phát huy một cách đầy đủ các chức năng của nó với vai trò là “vật ngang giá chung”. Trên thực tế, vấn đề này đã và đang chưa được quan tâm đúng mức. Do các chức năng của tiền tệ không được sử dụng đúng đắn nên việc ổn định sức mua của đồng tiền rất khó được thực hiện. Đặc biệt, khi chức năng thước đo giá trị bị vi phạm, giá cả của một loại hàng hóa-dịch vụ nào đó được xác định cao hơn nhiều lần so với giá trị luôn là nguyên nhân để các loại hàng hóa-dịch vụ khác có “lý do” để tăng giá. Giá tăng,

sức mua đồng tiền giảm luôn là nguyên nhân của lạm phát tiền tệ. Khi đồng tiền ở trong tình trạng lạm phát thì các chức năng của tiền tệ rất khó được phát huy. Chính vì vậy, ổn định sức mua của đồng tiền luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu trong chính sách tiền tệ quốc gia của các nước. Có một thực tế ở Việt Nam cũng như ở một số nước là: sức mua tiền tệ giữa một số vùng trong nước cũng có những khác biệt đáng kể. Sự khác biệt đó chính là nguyên nhân tạo ra những dịch vụ “kinh doanh nước bọt”, làm cho việc đánh giá sức mua tiền tệ mỗi nơi một khác.

Việc ổn định sức mua của đồng tiền phụ thuộc vào một số chính sách kinh tế-tài chính quan trọng của Nhà nước, trước hết là chính sách thuế. Thuế suất đối với một loại hàng hóa nào đó quá cao, mà hàng hóa đó lại thuộc loại hàng hóa giành cho đại bộ phận dân chúng thì lập tức, giá của hàng loạt các loại hàng hóa khác có “cơ hội” để tự động tăng lên. Việc tăng giá hàng loạt như vậy sẽ lập tức làm cho đồng tiền bị mất giá, lạm phát tiền tệ có điều kiện để bùng phát; các chức năng của tiền tệ, đặc biệt là chức năng thước đo giá trị không thể được thực hiện một cách đầy đủ. Khi một đồng tiền không thực hiện hết các chức năng của nó thì không những vai trò của một đồng tiền quốc gia khó có thể làm tròn, mà vai trò của một đồng tiền quốc tế lại càng không thể đảm nhận được.

Do không khai thác triệt để chức năng làm phương tiện thanh toán nên tình trạng thanh toán trong nền kinh tế được thực hiện

chủ yếu bằng tiền mặt; mà người ta thường gọi đó là nền kinh tế tiền mặt. Hiện nay ở Việt Nam tiền mặt được sử dụng để thanh toán trong nền kinh tế chiếm một tỷ lệ khá cao (khoảng 70 đến 80%). Tại các nước phát triển, tiền mặt chỉ được sử dụng cho việc mua sắm một số hàng hóa và dịch vụ nhỏ lẻ và chỉ chiếm vài phần trăm trong tổng các phương tiện thanh toán. Những bất tiện và có hại của một nền kinh tế mà việc thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt là rất lớn nhưng đã không được các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà chức trách của ngành ngân hàng nhận thức một cách đầy đủ nên trong cả một thời gian dài, đặc biệt từ sau khi đất nước bắt tay vào công cuộc đổi mới đến nay thì tình hình lại trở nên trầm trọng hơn; thanh toán không dùng tiền mặt vẫn chiếm một tỷ lệ nhỏ trong khi thanh toán bằng tiền mặt ngày càng chiếm tỷ lệ cao.

Việc nhận thức một cách đúng đắn các chức năng của tiền tệ ngay từ khâu hoạch định chính sách là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Vì mới bắt tay vào quản lý kinh tế theo kiểu thị trường nên còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực tiền tệ chưa được tiếp cận hoặc chưa được làm sáng tỏ. Các chức năng của tiền tệ trong kinh tế thị trường cũng là một trong những vấn đề mà từ nhận thức lý luận đến vận dụng vào thực tiễn đã và đang còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục trao đổi. Hy vọng rằng, qua bài viết này những ý kiến khác nhau về các vấn đề đã nêu sẽ được tiếp tục trao đổi ■